

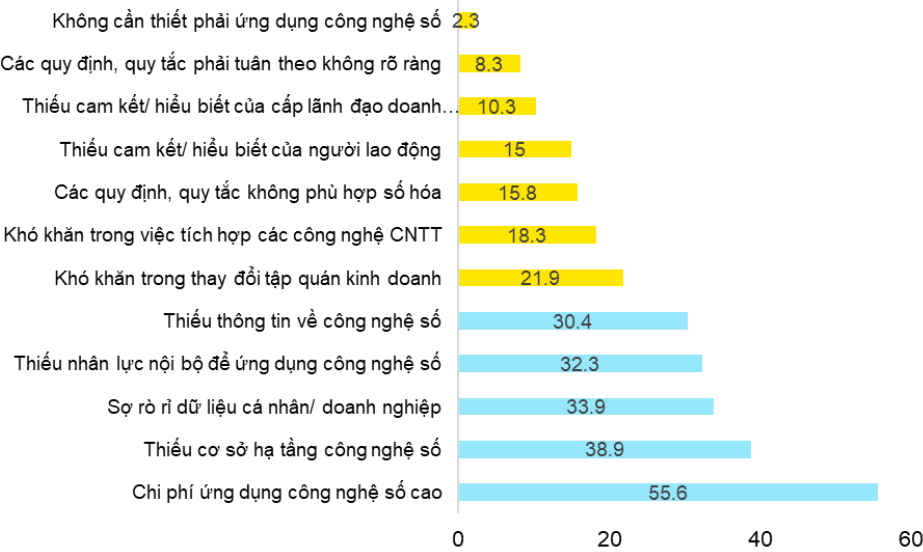
Phần I. Chuyển đổi số trên thế giới và tại Việt Nam

	Mức độ kết nối			Phương thức thanh toán			Logistics		Kỹ năng	Chính sách và quy định			
	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động trên tổng dân số	Tỷ lệ giá thuê bao băng rộng di động trên bình quân GNI	Tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định trên tổng dân số	Tỷ lệ giao dịch kỹ thuật số năm vừa qua	Tỷ lệ thanh toán online khi mua sắm trên internet	Tỷ lệ các DN trực tuyến sử dụng thanh toán kỹ thuật số	Điểm chỉ số hiệu suất logistic (trên thang điểm 5)	Chỉ số tích hợp phát triển bưu chính viễn thông	Chỉ số phát triển nguồn nhân lực	Hạn chế lưu thông dữ liệu qua biên giới	Luật bảo mật dữ liệu	Luật bảo vệ người tiêu dùng	Chi phí an ninh mạng (% GDP)
Indonesia	100%	1.4%	3.1%	34%	49%	51%	2.98	49.4	69	Có	Có	Có	0.02%
Việt Nam	82%	1.4%	12% (*)	22%	10% (**)	51%	3.27 (*)	50.47 (**)	38 (**)	Có	Có (**)	Có	0.04%
Thái Lan	170%	1.2%	11%	62%	-	-	3.26	66.1	57	Không	Có	Có	0.05%
Malaysia	116%	0.9%	8%	76%	52%	57%	3.43	66.0	52	Có	Có	Có	0.08%
Campuchia	67%	1.1%	1.5%	16%	-	-	2.8	19.7	97	Không	Không	Có	-
Lào	51%	-	1%	12%	-	-	2.07	41.4	105	Không	Không	Dự thảo	-
Philippines	40%	1.5%	3%	23%	-	52%	2.86	33.9	46	Không	Có	Có	0.04%

Các chỉ báo kinh tế kỹ thuật số chính của một số nước Đông Nam Á (nguồn ITU Measuring the Information Society 2017; GSMA 2018; Telegeography, June 2018, World Bank 2017, Global Findex; A.T. Kearney 2015; World Bank 2016, Digital Adoption Index; UPU 2016; WEF 2017; World Bank, OECD and Facebook 2018) (* Chỉ số cập nhật năm 2018; ** Chỉ số cập nhật năm 2020)

3. Thực trạng chuyển đổi số tại Việt Nam

Rào cản trong hoạt động chuyển đổi số đối với doanh nghiệp Việt Nam



Rào cản chính trong chuyển đổi số đối với doanh nghiệp (nguồn VCCI 2020)

Phần I. Chuyển đổi số trên thế giới và tại Việt Nam

Khảo sát của VCCI và JETRO với hơn 400 doanh nghiệp tại Việt Nam cho thấy thực trạng khiêm tốn trong chuyển đổi số doanh nghiệp với các rào cản chính bao gồm:

- ✓ Chi phí đầu tư vào chuyển đổi số còn cao;
- ✓ Hạ tầng công nghệ thông tin hiện tại kém phát triển;
- ✓ Khó khăn trong việc tiếp cận các giải pháp về rủi ro và an ninh mạng;
- ✓ Nguồn lực chuyển đổi số còn hạn chế;
- ✓ Tổ chức quản lý, quy trình nghiệp vụ, chuỗi cung ứng chưa được chuẩn hóa;
- ✓ Khó khăn trong việc tiếp cận thông tin về công nghệ số.

Phân tích SWOT đối với các DNNVV tại Việt Nam trong chuyển đổi số

Theo phân tích, đánh giá của nhóm tư vấn của dự án về điểm mạnh – điểm yếu và cơ hội – thách thức, có thể thấy là điểm mạnh hiện nay của các DNNVV trong chuyển đổi số nằm ở khả năng nhận thức sớm về các xu hướng chuyển đổi, đánh giá được tầm quan trọng của chuyển đổi số. Bên cạnh đó, do đặc thù cơ cấu tổ chức linh hoạt nên các DNNVV cũng dễ dàng thích nghi với các thay đổi của thị trường. Theo đánh giá, các thành tựu của chuyển đổi số trên thị trường như kênh tiếp thị, phân phối và bán hàng cũng được áp dụng hiệu quả. Năng lực ứng dụng công nghệ số vào kết nối thông tin với khách hàng và nhà cung cấp hay khả năng áp dụng phần mềm vào các nghiệp vụ quản lý cơ bản đều được hầu hết các DNNVV đáp ứng.

Điểm mạnh (Strengths)	Điểm yếu (Weaknesses)
▶ Nhận thức của các lãnh đạo doanh nghiệp về xu hướng CBS; ▶ Cơ cấu tổ chức linh hoạt, phản hồi nhanh với các thay đổi; ▶ Kênh tiếp thị, phân phối và bán hàng đa dạng; ▶ Khả năng kết nối thông tin nhanh chóng với khách hàng và nhà cung cấp đầu vào; ▶ Khả năng áp dụng phần mềm vào các nghiệp vụ tài chính, kế toán.	▶ Năng lực quản trị nội bộ chưa cao, cơ cấu tổ chức chưa hoàn thiện, quy trình chưa chuẩn hóa; ▶ Thiếu nhân sự có năng lực về CNTT để hỗ trợ chuyển đổi; ▶ Hệ thống CNTT và khả năng tích hợp công nghệ mới còn hạn chế; ▶ Năng lực quản trị và phân tích dữ liệu còn thiếu; ▶ Năng lực và nhận thức liên quan đến quản lý rủi ro và an ninh mạng.
Lợi thế (Opportunities)	Thách thức (Threats)
▶ Sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng của khách hàng; ▶ Sự dịch chuyển của chuỗi cung ứng toàn cầu; ▶ Sự sẵn sàng của công nghệ và các nhà cung cấp trên thị trường; ▶ Các giải pháp và hỗ trợ của Chính phủ đối với các doanh nghiệp trong việc ứng dụng CNTT.	▶ Khả năng tiếp cận các thông tin, tài liệu, chuyên gia hỗ trợ; ▶ Khả năng kết nối giữa các giải pháp trên thị trường; ▶ Nguồn vốn đầu tư hỗ trợ cho doanh nghiệp; ▶ Sự gia tăng các rủi ro liên quan đến an toàn thông tin, an ninh mạng.

*Phân tích SWOT đối với DNNVV Việt Nam trong chuyển đổi số
(nguồn nhóm Tư vấn)*

Phần I. Chuyển đổi số trên thế giới và tại Việt Nam

Tuy nhiên, các yếu tố như năng lực quản trị nội bộ, cơ cấu tổ chức và quy trình của các DNNVV vẫn chưa hoàn thiện để có thể chuyển đổi số toàn diện. Năng lực của nhân sự liên quan đến CNTT hay khả năng tích hợp công nghệ mới của hệ thống CNTT vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Tầm quan trọng của dữ liệu vẫn chưa được nhìn nhận đúng đắn khi chỉ số ít doanh nghiệp có chính sách quản trị riêng biệt và ứng dụng phân tích dữ liệu vào trong các hoạt động của mình. Các vấn đề về rủi ro và an ninh mạng cũng chưa được các doanh nghiệp nhận thức đúng đắn và có chính sách để quản lý mặc dù đây là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng trong hệ thống CNTT của bất cứ doanh nghiệp phát triển nào.

Các DNNVV đang được hưởng những lợi thế vô cùng lớn từ các chuyển dịch của môi trường xung quanh cùng với những thành tựu tiến bộ của công nghệ và các hỗ trợ của Chính phủ. Hành vi tiêu dùng của khách hàng đang thay đổi nhanh chóng, đem lại những cơ hội khai phá tiềm năng mới của thị trường. Toàn cầu hóa cũng mang lại sự dịch chuyển của chuỗi cung ứng và mở ra rất nhiều cơ hội cho các DNNVV. Với các thành tựu về khoa học kỹ thuật hiện tại, doanh nghiệp có rất nhiều lựa chọn đối với các nhà cung cấp giải pháp trên thị trường. Chính phủ và nhà nước cũng rất quan tâm và hỗ trợ các DNNVV nhanh chóng chuyển đổi số, thúc đẩy được đà tăng trưởng và cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Tuy nhiên bên cạnh đó, các DNNVV cũng vấp phải những thách thức nhất định đến từ sự thiếu hụt các hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của mình. Hầu hết DNNVV tại Việt Nam chưa có được nguồn vốn hỗ trợ tương xứng với nhu cầu đầu tư cho thực hiện chuyển đổi số. Khả năng tiếp cận các chuyên gia, tài liệu và thông tin hỗ trợ về chuyển đổi số còn hạn chế. Các giải pháp công nghệ số trên thị trường hiện nay vẫn được cho là rời rạc, chưa mang tính kết nối, dẫn đến thách thức của nhiều DNNVV trong việc thực hiện chiến lược chuyển đổi số. Yếu tố khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, cùng với đó là sự tăng lên của các rủi ro tiềm ẩn về an toàn thông tin và an ninh mạng. Đây là các bài toán khó mà mỗi nhà quản lý DNNVV cần phải giải quyết để đi được đến đáp án chung trong lộ trình chuyển đổi số mang tính tất yếu của mình.

Thực trạng chuyển đổi số đối với các DNNVV tại Việt Nam

Những năm gần đây nền kinh tế Việt Nam trở nên sôi động, đặc biệt là khối kinh tế tư nhân, khối doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn chiếm tỷ lệ rất lớn tại Việt Nam. Hoạt động chuyển đổi số trên thực tế đã diễn ra như một nhu cầu tự nhiên của rất nhiều

Phần I. Chuyển đổi số trên thế giới và tại Việt Nam

doanh nghiệp, đặc biệt là chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh nhằm đáp ứng hành vi tiêu dùng đang thay đổi của khách hàng. Có thể dễ dàng nhận thấy một tỷ trọng không nhỏ các doanh nghiệp đã ứng dụng các phần mềm, giải pháp vào hoạt động quản lý bán hàng, bán hàng trực tuyến, đa kênh, tiếp thị, quản lý quan hệ khách hàng, quản trị kênh phân phối (ví dụ: Juno, Yody, Shoptretho, GalleWatch, Pavietnam, Bentoni, Kitchen Art, v.v.), cụ thể:

- ✓ Khoảng 100.000 cửa hàng tại Việt Nam đang sử dụng phần mềm Kiot Việt cho hoạt động quản lý bán hàng tại các cửa hàng bán lẻ và bán hàng đa kênh; con số tương tự đối với Sapo và cũng hàng nghìn doanh nghiệp khác đang sử dụng Haravan, Nhanh, v.v.
- ✓ Hàng trăm nghìn doanh nghiệp đang trực tiếp kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử như Sendo, Tiki, Lazada, Shopee, v.v.
- ✓ Dù chưa có các thống kê, một tỷ trọng lớn các doanh nghiệp Việt Nam (hàng trăm nghìn doanh nghiệp) đã sử dụng tiếp thị số (digital marketing) như là một phương pháp tiếp thị quan trọng (chiếm khoảng hơn 20% trong tổng chi tiêu quảng cáo tại Việt Nam) trong hoạt động tiếp thị, bán hàng; các nền tảng tiếp thị số chủ yếu có thể nói đến như Facebook, Google, Youtube, Tiktok, Instagram, 24h, admicro, eclick, adtima, v.v.

Đối với chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp, dù rằng việc chuyển đổi còn chậm, thể hiện qua số lượng không nhiều các doanh nghiệp ứng dụng các giải pháp ERP, HRM, E-Office, phần mềm chấm công, tính lương, v.v., có một tỷ lệ tương đối lớn các doanh nghiệp đã chuyển đổi số hoạt động quản trị, vận hành nội bộ ở mức cơ bản, thể hiện qua những thống kê sơ bộ:

- ✓ Hơn 60% doanh nghiệp đang sử dụng các phần mềm kế toán, trong đó có gần 200.000 doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán Misa;
- ✓ Trên 200.000 doanh nghiệp đang sử dụng các phần mềm hóa đơn điện tử của nhiều nhà cung cấp khác nhau;
- ✓ Hầu như các doanh nghiệp đều đã trang bị và sử dụng chữ ký số;
- ✓ Các phần mềm khai báo thuế trực tuyến, khai báo bảo hiểm xã hội trực tuyến được ứng dụng tại đại đa số các doanh nghiệp tại Việt Nam.

Phần I. Chuyển đổi số trên thế giới và tại Việt Nam

Bên cạnh các hoạt động chuyển đổi mô hình bán hàng, tiếp thị, quản trị và vận hành, nhiều doanh nghiệp nhìn nhận chuyển đổi số như một cơ hội để sáng tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới, hướng tới thay đổi bản chất doanh nghiệp. Điều này đang góp phần tạo ra các doanh nghiệp y tế số, giáo dục số, nông nghiệp số, các doanh nghiệp logistic, giao nhận, thương mại, xuất nhập khẩu, nhà hàng, khách sạn, du lịch và sản xuất, v.v. hoạt động theo những phương thức mới, dựa trên việc kết nối các hệ thống công nghệ, dữ liệu và xử lý thông tin tự động. Dù những hoạt động này mới chỉ bắt đầu nhưng đã thu hút được sự quan tâm lớn từ cộng đồng doanh nghiệp, kỳ vọng một tương lai không xa sẽ xuất hiện nhiều doanh nghiệp với những mô hình kinh doanh đột phá, dịch chuyển hoàn toàn sang mô hình kinh doanh trên môi trường số.